

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DNNT)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DNNT)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DNNT)	11
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DNNT)	12

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Số 33 GP/KDBH ngày 4 tháng 5 năm 2005

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày của giấy phép đầu tiên số 33GP/KDBH cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005.

#### Mã số thuế

0303845969

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Hải Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị,  
Tổng Giám đốc

Bà Annette Maria Donselaar

Thành viên

Ông Nguyễn Hồng Sơn

Thành viên

Bà Lee Yee Nin

Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lâm Hải Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị,  
Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Phước Hiệp

Phó Tổng Giám đốc

Ông Bùi Thanh Hiệp

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Bà Dương Thuý Hồng

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Ông Albert Li

Phó Chủ tịch Cấp cao,  
Chuyên gia tính toán

(đến ngày 5 tháng 6 năm 2017)

Bà Mai Thị Thanh Vân

Phó Chủ tịch, Nhân sự

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Lâm Hải Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị,  
Tổng Giám đốc

#### Trụ sở chính

Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM**01001  
CÔNG  
TY  
WC(V)  
1 - T.F**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY**

	2017	2016
<b>1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
1.1 Cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản (%)	75,97	75,57
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	24,03	24,43
1.2 Cơ cấu nguồn vốn		
- Tổng nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	73,91	71,48
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	26,09	28,52
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
2.1 Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả (lần)	1,35	1,40
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2,17	3,08
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,52	1,79
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Lợi nhuận trước thuế/(Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm + Biến động dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác) (%)	12,37	10,09
- Lợi nhuận sau thuế/(Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm + Biến động dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác) (%)	9,88	8,07
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản (%)	3,37	2,63
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	2,69	2,10
3.3 Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu		
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	10,32	7,37

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM

### TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Hội đồng Quản trị của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 báo cáo tài chính riêng. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, Hội đồng Quản trị phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 6 đến trang 37. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này kết hợp với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có thêm thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Lâm Hải Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Hội đồng Quản trị phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, được trình bày từ trang 6 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

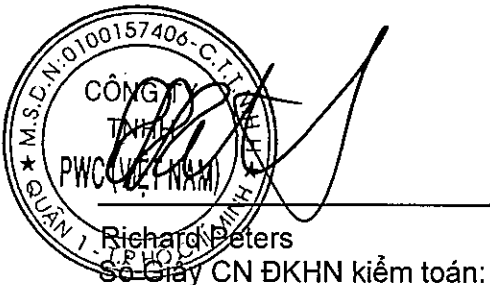
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Richard Peters  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0561-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Trần Thị Thanh Trúc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3047-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6895  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.783.320.910</b>	<b>1.419.708.135</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	803.739.964	472.998.200
111	Tiền		480.012.964	215.998.200
112	Các khoản tương đương tiền		323.727.000	257.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	516.956.698	587.512.800
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		516.956.698	587.512.800
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		449.513.840	351.123.043
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	86.361.201	51.215.919
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		86.361.201	51.215.919
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.960.311	4.460.817
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	353.192.328	295.446.307
140	Hàng tồn kho		8.410	407
141	Hàng tồn kho		8.410	407
150	Tài sản ngắn hạn khác		13.101.998	8.073.685
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7(a)	13.101.998	8.073.685
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.638.715.030</b>	<b>4.392.245.143</b>
210	Các khoản phải thu dài hạn		22.233.386	22.428.723
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	22.233.386	22.428.723
216.1	- Ký quỹ bảo hiểm		12.000.000	12.000.000
216.2	- Phải thu dài hạn khác		10.233.386	10.428.723
220	Tài sản cố định		58.163.033	57.855.759
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	28.414.532	25.657.729
222	Nguyên giá		111.662.838	99.903.748
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(83.248.306)	(74.246.019)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	29.748.501	32.198.030
228	Nguyên giá		65.150.069	58.529.686
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(35.401.568)	(26.331.656)
240	Tài sản dở dang dài hạn		2.408.494	1.094.679
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.408.494	1.094.679
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	5.519.804.258	4.286.213.409
251	Đầu tư vào công ty con		26.000.000	26.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		5.493.804.258	4.260.213.409
260	Tài sản dài hạn khác		36.105.859	24.652.573
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9	36.105.859	24.652.573
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>7.422.035.940</b>	<b>5.811.953.278</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.485.424.141</b>	<b>4.154.489.398</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>822.888.700</b>	<b>460.277.491</b>
311	Phải trả ngắn hạn người bán	10	458.573.798	271.911.429
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		443.538.877	265.956.725
311.2	- Phải trả khác cho người bán		15.034.921	5.954.704
312	Người mua trả tiền trước	11	38.338.316	18.048.361
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	12	24.372.391	20.468.408
314	Phải trả người lao động		17.653.438	13.289.387
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	184.311.716	119.106.191
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	99.639.041	17.453.715
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>4.662.535.441</b>	<b>3.694.211.907</b>
342	Dự phòng phải trả dài hạn		7.234.327	1.893.875
344	Dự phòng nghiệp vụ	15	4.655.301.114	3.692.318.032
344.1	- Dự phòng toán học		4.614.892.198	3.648.902.326
344.2	- Dự phòng phí chưa được hưởng		4.522.134	5.564.312
344.3	- Dự phòng bồi thường		18.254.912	23.398.894
344.4	- Dự phòng chia lãi		5.677.690	5.024.869
344.5	- Dự phòng đảm bảo cân đối		11.954.180	9.427.631
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.936.611.799</b>	<b>1.657.463.880</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.936.611.799</b>	<b>1.657.463.880</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	1.244.629.454	1.165.266.954
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	17	48.965.518	38.976.247
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	643.016.827	453.220.679
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		453.220.679	337.157.344
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		189.796.148	116.063.335
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.422.035.940</b>	<b>5.811.953.278</b>



 Nguyễn Văn Hưng  
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Hồng Sơn  
 Phó Tổng Giám đốc

 Lâm Hải Tuấn  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị,  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

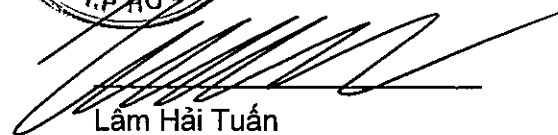
Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.512.007.863	2.022.920.421
12	Doanh thu hoạt động tài chính	24 473.586.511	394.134.824
13	Thu nhập khác	1.171.713	1.148.645
20	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.677.312.420)	(1.440.087.122)
22	Chi phí hoạt động tài chính	25 (9.446.067)	(7.455.567)
23	Chi phí bán hàng	26 (811.414.238)	(618.332.925)
24	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27 (238.040.805)	(199.486.954)
25	Chi phí khác	(424.274)	(10.503)
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>250.128.283</b>	<b>152.830.819</b>
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28 (61.796.150)	(33.854.833)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28 11.453.286	3.195.946
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>199.785.419</b>	<b>122.171.932</b>



Nguyễn Văn Hưng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Sơn  
Phó Tổng Giám đốc

Lâm Hải Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị,  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
(tiếp theo)

**PHẦN II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12		
		2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng	
<b>01</b>	<b>Doanh thu phí bảo hiểm</b>	<b>19</b>	<b>2.595.231.953</b>	<b>2.077.377.839</b>
01.1	- Phí bảo hiểm gốc		2.594.189.775	2.075.269.452
01.3	- Biến động dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		1.042.178	2.108.387
<b>02</b>	<b>Phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>20</b>	<b>(84.884.117)</b>	<b>(67.922.649)</b>
<b>03</b>	<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b>		<b>2.510.347.836</b>	<b>2.009.455.190</b>
<b>04</b>	<b>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		<b>1.660.027</b>	<b>13.465.231</b>
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		733.224	749.193
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	21	926.803	12.716.038
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		<b>2.512.007.863</b>	<b>2.022.920.421</b>
<b>11</b>	<b>Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm</b>	<b>22(a)</b>	<b>(313.497.903)</b>	<b>(202.787.554)</b>
<b>12</b>	<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>22(b)</b>	<b>29.237.633</b>	<b>23.566.308</b>
<b>13</b>	<b>Biến động dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc</b>	<b>22(c)</b>	<b>(964.025.260)</b>	<b>(903.719.034)</b>
<b>15</b>	<b>Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm</b>	<b>22</b>	<b>(1.248.285.530)</b>	<b>(1.082.940.280)</b>
<b>16</b>	<b>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>23</b>	<b>(429.026.890)</b>	<b>(357.146.842)</b>
16.1	- Chi phí hoa hồng bảo hiểm		(418.904.108)	(348.679.192)
16.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(10.122.782)	(8.467.650)
<b>17</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		<b>(1.677.312.420)</b>	<b>(1.440.087.122)</b>
<b>18</b>	<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		<b>834.695.443</b>	<b>582.833.299</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

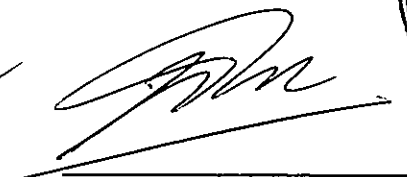
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
(tiếp theo)

**PHẦN II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12		
		2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng	
22	Doanh thu hoạt động tài chính	24	473.586.511	394.134.824
23	Chi phí hoạt động tài chính	25	(9.446.067)	(7.455.567)
<b>24</b>	<b>Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính</b>		<b>464.140.444</b>	<b>386.679.257</b>
25	Chi phí bán hàng	26	(811.414.238)	(618.332.925)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(238.040.805)	(199.486.954)
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>249.380.844</b>	<b>151.692.677</b>
31	Thu nhập khác		1.171.713	1.148.645
32	Chi phí khác		(424.274)	(10.503)
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>		<b>747.439</b>	<b>1.138.142</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>250.128.283</b>	<b>152.830.819</b>
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(61.796.150)	(33.854.833)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28	11.453.286	3.195.946
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>199.785.419</b>	<b>122.171.932</b>



Nguyễn Văn Hưng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Sơn  
Phó Tổng Giám đốc




Lâm Hải Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị,  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

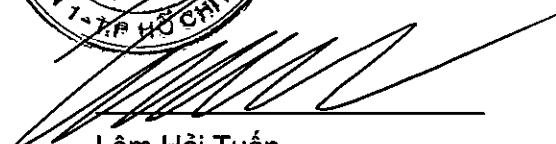
Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền từ thu phí bảo hiểm	2.764.273.600	2.191.112.990
02	Tiền thu từ các khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	-	9.631.300
03	Tiền thu từ các khoản bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	10.757.202
04	Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	4.961.359	5.210.406
05	Trả tiền bồi thường bảo hiểm	(208.205.332)	(153.305.411)
06	Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.129.356.161)	(930.459.463)
07	Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(291.853.642)	(259.274.912)
08	Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	(148.999.815)	(130.388.622)
09	Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	12 (59.365.475)	(24.875.595)
10	Trả tiền cho các khoản nợ khác	(6.042.902)	(12.751.607)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>925.411.632</b>	<b>705.656.288</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền thu từ bán trái phiếu và rút tiền gửi có kỳ hạn	448.504.622	297.460.383
22	Tiền thu từ lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	415.031.203	349.312.994
23	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	73.128	1.070.353
24	Tiền đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	(1.601.200.710)	(1.275.244.000)
27	Tiền chi để mua sắm các tài sản cố định	(15.750.611)	(21.955.216)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(753.342.368)</b>	<b>(649.355.486)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	158.672.500	145.469.776
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>158.672.500</b>	<b>145.469.776</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>330.741.764</b>	<b>201.770.578</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3 472.998.200</b>	<b>271.802.186</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	(574.564)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 803.739.964</b>	<b>472.998.200</b>



Nguyễn Văn Hưng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Sơn  
Phó Tổng Giám đốc

Lâm Hải Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị,  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 33 GP/KDBH ngày 4 tháng 5 năm 2005 do Bộ Tài chính cấp.

Ngày 12 tháng 3 năm 2008, Công ty đã nhận được văn bản điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 33/GPĐC7/KDBH từ Bộ Tài chính về việc thay đổi vốn điều lệ từ 31.910.000 đô la Mỹ thành 37.910.000 đô la Mỹ.

Ngày 1 tháng 4 năm 2010, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty thành 53.910.000 đô la Mỹ.

Ngày 13 tháng 8 năm 2015, Công ty được Bộ tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh để tăng vốn điều lệ thành 1.019.797.178.080 đồng Việt Nam.

Ngày 9 tháng 3 năm 2016, căn cứ vào vào Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC13/KDBH được cấp bởi Bộ Tài chính, Công ty đổi tên từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE thành Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam.

Ngày 4 tháng 7 năm 2016, Công ty được Bộ tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh để tăng vốn điều lệ thành 1.165.266.954.280 đồng Việt Nam.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, Công ty được Bộ tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh để tăng vốn điều lệ thành 1.244.629.454.280 đồng Việt Nam.

Ngày 23 tháng 1 năm 2018, Công ty được Bộ tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh để tăng vốn điều lệ thành 1.323.939.454.280 đồng Việt Nam.

Công ty là một doanh nghiệp bảo hiểm 100% vốn nước ngoài, sở hữu bởi Chubb INA International Holdings Limited, một công ty được thành lập tại Hoa Kỳ.

Hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ như bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm trả tiền định kỳ, các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe và các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ cho bảo hiểm nhân thọ; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.

Trong tháng 10 năm 2013, Công ty đã thành lập một công ty con, Công ty TNHH một thành viên Quản lý quỹ Chubb Life tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“SSC”) cấp có thời hạn 50 năm kể từ ngày của Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên. Vốn điều lệ của Công ty con là 26.000.000.000 đồng.

Hoạt động chủ yếu của Công ty con là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 (mười hai) tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 353 nhân viên (2016: 341 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty và công ty con ("Tập đoàn") đối với các công ty bảo hiểm nhân thọ hoạt động tại Việt Nam. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, công ty con là công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng của Công ty cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

**2.2 Thay đổi chính sách kế toán và trình bày báo cáo tài chính****Thông tư 50/2017/TT-BTC**

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 50/2017/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm ("Thông tư 50"). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 và thay thế Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ("Thông tư 124"); Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 125") và Thông tư số 194/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 124 và Thông tư 125.

Thông tư 50 hướng dẫn chi tiết về hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; chế độ tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; đại lý bảo hiểm và đào tạo đại lý bảo hiểm; chế độ báo cáo, công bố thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.2 Thay đổi chính sách kế toán và trình bày báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty đã áp dụng phi hồi tố những thay đổi của Thông tư 50. Theo Thông tư 50, những thay đổi chủ yếu đối với chính sách kế toán và trình bày báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 bao gồm phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ cho các hợp đồng bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm trả tiền định kỳ. Đối với các hợp đồng bảo hiểm này, Công ty được chủ động lựa chọn phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Theo đó, trong mọi trường hợp, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ được lựa chọn phải đảm bảo kết quả không thấp hơn dự phòng được tính theo phương pháp dưới đây:

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 05 năm trở xuống: Phương pháp phí bảo hiểm thuần.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 05 năm:
  - Đối với bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm trả tiền định kỳ: Phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh bởi hệ số Zillmer 3% số tiền bảo hiểm.
  - Đối với bảo hiểm tử kỳ: Phương pháp phí bảo hiểm thuần điều chỉnh FPT (“full preliminary term”) 12 tháng.

Công ty đã thực hiện việc đánh giá sự ảnh hưởng những thay đổi theo Thông tư 50 đối với số dư của các khoản dự phòng nghiệp vụ cho các hợp đồng bảo hiểm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và những ảnh hưởng nếu có là không trọng yếu.

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được thể hiện trên báo cáo tài chính theo ngàn đồng Việt Nam (“1.000 đồng” hoặc “ngàn đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và tạm ứng cho các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được thể hiện theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

Các khoản phụ trội, chiết khấu phát sinh mua trái phiếu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp sử dụng lãi suất thị trường.

**(b) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**2.8 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng là khoản phải thu từ chủ hợp đồng và các công ty tái bảo hiểm, bao gồm khoản thu bồi thường từ các công ty nhận tái bảo hiểm, phí bảo hiểm phải thu từ chủ hợp đồng tại thời điểm cuối năm.

Các khoản phải thu được thể hiện theo giá trị gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.9 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế/ hao mòn lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng được ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Máy vi tính	3 - 5 năm
Nâng cấp văn phòng và đồ nội thất	3 - 8 năm
Phần mềm	5 - 7 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán và bao gồm chủ yếu là hàng khuyến mãi, chi phí bảo hiểm trả trước và tiền thuê văn phòng trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm;
- Phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ không liên quan đến hoạt động bảo hiểm; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.16 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các giả định và phương pháp mà Chuyên gia tính toán của Công ty xác lập đã đăng ký và được Bộ tài chính phê duyệt và các quy định và hướng dẫn trong Thông tư 50 (2016: Thông tư 125)

Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

#### (a) Dự phòng toán học

Dự phòng toán học được xác định riêng cho từng sản phẩm và được xác định dựa trên cơ sở các giả định và các phương pháp thận trọng mà chuyên gia tính toán của Công ty xác lập như đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt:

- Với các sản phẩm truyền thống:
  - Phương pháp xác định: phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh bởi hệ số Zillmer 3% số tiền bảo hiểm; hoặc phương pháp phí bảo hiểm thuần điều chỉnh FPT 12 tháng, tùy vào từng sản phẩm (2016: phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh bởi hệ số Zillmer 3% số tiền bảo hiểm).
- Với sản phẩm liên kết chung:

Dự phòng toán học bao gồm dự phòng rủi ro bảo hiểm và dự phòng nghiệp vụ.

  - Dự phòng rủi ro bảo hiểm được xác định theo chi phí bảo hiểm chưa được khấu trừ (Unearned COI); và
  - Dự phòng nghiệp vụ được xác định theo tổng giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm đối với các hợp đồng bảo hiểm phát hành trước ngày 1 tháng 1 năm 2008 và theo tổng giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm đối với các hợp đồng bảo hiểm phát hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 trở về sau.

#### (b) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết và cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

- Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết được ước tính cho các trường hợp bồi thường đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường ("IBNR") là dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán và áp dụng cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một (01) năm trở xuống theo quy định của Thông tư 50 (2016: Thông tư 125).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.16 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)****(c) Dự phòng phí**

Dự phòng phí bao gồm phần phí bảo hiểm đã ghi nhận doanh thu cho khoản thời gian bảo hiểm vượt quá ngày kết thúc niên độ. Công ty áp dụng phương pháp 1/24 để tính toán dự phòng phí bảo hiểm cho các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có thời hạn từ một (01) năm trở xuống và phương pháp 1/8 để tính toán dự phòng phí bảo hiểm cho các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe, theo quy định của Thông tư 50 (2016: phương pháp 1/24 được áp dụng cho tất cả các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo Thông tư 125).

**(d) Dự phòng chia lãi**

Theo quy định của Thông tư 50 (2016: Thông tư 125), dự phòng chia lãi, chỉ áp dụng cho các hợp đồng tham gia chia lãi, bao gồm dự phòng cho phần lãi đã công bố và dự phòng cho phần lãi chưa công bố, trong đó:

- Dự phòng cho phần lãi đã công bố tương đương với tổng giá trị các khoản tiền lãi công bố chia cho chủ hợp đồng bảo hiểm trong năm tài chính và tổng giá trị tích lũy của các khoản tiền lãi đã công bố với chủ hợp đồng bảo hiểm trong các năm tài chính trước nhưng chưa chi trả.
- Dự phòng cho phần lãi chưa công bố là giá trị hiện tại của phần lãi sẽ chia thêm cho chủ hợp đồng trong tương lai.

**(e) Dự phòng bảo đảm cân đối**

Dự phòng bảo đảm cân đối được lập hàng năm bằng với mức 1% lợi nhuận trước thuế, đến mức tối đa là 5% của phí bảo hiểm thu được trong năm.

**(f) Dự phòng đảm bảo khả năng thanh toán bổ sung**

Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết được dùng để bảo đảm lãi suất cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

**2.17 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.18 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

*Quỹ dự trữ bắt buộc*

Theo Điều 77 của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016, Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của Công ty.

**2.19 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu phí bảo hiểm**

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi Công ty phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm theo Thông tư 50. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (1) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Công ty và bên mua bảo hiểm; và
- (2) (i) Bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm; hoặc  
(ii) Công ty có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí.

Phí bảo hiểm lần đầu được ghi nhận vào ngày Công ty chấp thuận phát hành hợp đồng.

Phí bảo hiểm đối với hợp đồng đóng phí một lần được ghi nhận doanh thu toàn bộ vào ngày phát hành hợp đồng.

Sau khi hợp đồng được phát hành, doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận vào ngày đến hạn thu phí tương ứng với số phí phải thu theo kỳ. Tuy nhiên đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, tổng số phí bảo hiểm thu được trong kỳ được ghi nhận toàn bộ là doanh thu trong kỳ.

**(b) Thu nhập hoa hồng**

Thu nhập hoa hồng gồm các khoản thu phí đã nhận hoặc sẽ nhận từ các công ty nhận tái bảo hiểm. Thu nhập hoa hồng được tính toán và ghi nhận trên cơ sở phí bảo hiểm gộp nhượng tái.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.20 Nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một khoản giảm trừ đối với phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận.

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.21 Chi phí hoa hồng bảo hiểm và chi phí bảo hiểm khác****(a) Chi phí hoa hồng bảo hiểm**

Chi phí hoa hồng bảo hiểm là các khoản phí phải trả cho các đại lý bảo hiểm. Chi phí này được tính trên phí bảo hiểm gốc và được hạch toán trên cơ sở trích trước. Chi phí hoa hồng bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**(b) Chi phí bảo hiểm khác**

Chi phí bảo hiểm khác bao gồm chi phí thẩm định tổn thất, chi phí đóng góp vào quỹ bảo vệ người tham gia bảo hiểm và các chi phí liên quan đến hoạt động bảo hiểm.

**2.22 Chi phí bồi thường**

Chi phí bồi thường được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi trách nhiệm bồi thường cho chủ hợp đồng hoặc người thụ hưởng đã được xác định. Các yêu cầu bồi thường đã được khai báo nhưng đang trong thời gian thẩm định tại ngày lập bảng cân đối kế toán sẽ được ghi nhận trong dự phòng bồi thường.

**2.23 Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm**

Các khoản bồi thường phát sinh được thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm theo các điều khoản trong thỏa thuận tái bảo hiểm.

**2.24 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.25 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí khen thưởng, chi phí thuê văn phòng, chi phí tổ chức hội nghị, chi phí thu phí bảo hiểm, chi phí thi đua đại lý và các chi phí bán hàng khác.

**2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí thuê văn phòng và chi phí bằng tiền khác.

**2.27 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.27 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.28 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này và những công ty liên kết với các cá nhân này hoặc các bên liên kết này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
Tiền mặt	142.000	150.000
Tiền gửi ngân hàng	479.670.964	215.848.200
Tiền đang chuyển	200.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	323.727.000	257.000.000
	<u>803.739.964</u>	<u>472.998.200</u>

(\*) Đây là tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.



**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

**(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	2017		2016	
	Giá gốc 1.000 đồng	Giá trị ghi sổ 1.000 đồng	Giá gốc 1.000 đồng	Giá trị ghi sổ 1.000 đồng
Tiền gửi có kỳ hạn	230.404.000	230.404.000	226.554.000	226.554.000
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	169.769.321	169.948.743	275.458.714	270.183.950
Tạm ứng cho chủ hợp đồng	116.603.955	116.603.955	90.774.850	90.774.850
	<u>516.777.276</u>	<u>516.956.698</u>	<u>592.787.564</u>	<u>587.512.800</u>

**(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	2017		2016	
	Giá gốc 1.000 đồng	Giá trị ghi sổ 1.000 đồng	Giá gốc 1.000 đồng	Giá trị ghi sổ 1.000 đồng
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	5.603.014.938	5.375.804.258	4.290.793.118	4.259.963.409
Tiền gửi có kỳ hạn	73.000.000	73.000.000	250.000	250.000
Trái phiếu doanh nghiệp	45.000.000	45.000.000	-	-
	<u>5.721.014.938</u>	<u>5.493.804.258</u>	<u>4.291.043.118</u>	<u>4.260.213.409</u>

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	2017		2016	
	Giá gốc 1.000 đồng	Giá trị ghi sổ 1.000 đồng	Giá gốc 1.000 đồng	Giá trị ghi sổ 1.000 đồng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty TNHH một thành viên Quản lý quỹ Chubb Life	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000
	<u>26.000.000</u>	<u>26.000.000</u>	<u>26.000.000</u>	<u>26.000.000</u>

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

**(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Trong tháng 10 năm 2013, Công ty đã thành lập một công ty con, Công ty TNHH một thành viên Quản lý quỹ Chubb Life (“công ty con”), tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động Số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có thời hạn 50 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên. Vốn điều lệ của Công ty con là 26.000.000 ngàn đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
Phải thu phí bảo hiểm gốc (*)	29.756.913	23.849.264
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	56.604.288	27.366.655
	<u>86.361.201</u>	<u>51.215.919</u>

(\*) Các khoản phải thu phí bảo hiểm gốc là các khoản phải thu từ chủ hợp đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải thu nào quá hạn.

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	2017		2016	
	Giá trị 1.000 đồng	Dự phòng 1.000 đồng	Giá trị 1.000 đồng	Dự phòng 1.000 đồng
<b>Các bên liên quan (Thuyết minh 30(b))</b>				
Phải thu chi phí quảng bá thương hiệu	10.352.561	-	19.252.476	-
Phải thu khác	338.362	-	3.600	-
	<u>10.690.923</u>	<u>-</u>	<u>19.256.076</u>	<u>-</u>
<b>Các bên thứ ba</b>				
Lãi dự thu	333.298.334	-	272.402.378	-
Phải thu khác	9.203.071	-	3.787.853	-
	<u>342.501.405</u>	<u>-</u>	<u>276.190.231</u>	<u>-</u>
<b>Tổng</b>	<u>353.192.328</u>	<u>-</u>	<u>295.446.307</u>	<u>-</u>

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	2017		2016	
	Giá trị 1.000 đồng	Dự phòng 1.000 đồng	Giá trị 1.000 đồng	Dự phòng 1.000 đồng
Ký quỹ bảo hiểm (*)	12.000.000	-	12.000.000	-
Ký quỹ dài hạn khác	10.233.386	-	10.428.723	-
	<u>22.233.386</u>	<u>-</u>	<u>22.428.723</u>	<u>-</u>

(\*) Theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016, Công ty phải ký quỹ bắt buộc tại một ngân hàng thương mại trong nước với số tiền 12.000.000.000 đồng, tương đương 2% mức vốn pháp định tối thiểu.

**7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
Chi phí quảng cáo	4.934.233	-
Công cụ, dụng cụ	2.724.576	2.143.944
Tiền bảo hiểm trả trước	1.289.115	1.063.839
Chi phí thuê hoạt động trả trước	1.106.537	816.292
Khác	3.047.537	4.049.610
	<u>13.101.998</u>	<u>8.073.685</u>

Biến động chi phí trả trước trong năm như sau:

	2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
Số dư đầu năm	8.073.685	18.087.290
Tăng	115.050.029	66.826.233
Phân bổ trong năm	(110.021.716)	(76.839.838)
Số dư cuối năm	<u>13.101.998</u>	<u>8.073.685</u>

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>Máy vi tính</b>	<b>Nâng cấp văn phòng và đồ nội thất</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.321.191	1.730.546	35.631.026	55.220.985	<b>99.903.748</b>
Mua trong năm	-	218.985	8.795.840	4.184.623	<b>13.199.448</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.899)	(1.326.722)	(81.737)	<b>(1.440.358)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>7.321.191</u>	<u>1.917.632</u>	<u>43.100.144</u>	<u>59.323.871</u>	<b><u>111.662.838</u></b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.734.584	1.379.916	24.819.230	46.312.289	<b>74.246.019</b>
Khấu hao trong năm	878.616	123.454	4.885.044	4.555.531	<b>10.442.645</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.899)	(1.326.722)	(81.737)	<b>(1.440.358)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>2.613.200</u>	<u>1.471.471</u>	<u>28.377.552</u>	<u>50.786.083</u>	<b><u>83.248.306</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>5.586.607</u>	<u>350.630</u>	<u>10.811.796</u>	<u>8.908.696</u>	<b><u>25.657.729</u></b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>4.707.991</u>	<u>446.161</u>	<u>14.722.592</u>	<u>8.537.788</u>	<b><u>28.414.532</u></b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 59.609.634 ngàn đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 51.140.103 ngàn đồng).

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm  
1.000 đồng**

**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

58.529.686

Mua trong năm

6.620.383

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

65.150.069

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

26.331.656

Khấu hao trong năm

9.069.912

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

35.401.568

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

32.198.030

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

29.748.501

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 11.108.861 ngàn đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.472.684 ngàn đồng).

**9 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

**2017  
1.000 đồng**                      **2016  
1.000 đồng**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong  
vòng 12 tháng

36.105.859

24.652.573

Biến động trong năm của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày như sau:

**2017  
1.000 đồng**                      **2016  
1.000 đồng**

Tại ngày 1 tháng 1

24.652.573

21.456.627

Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết  
minh 28)

11.453.286

3.195.946

36.105.859

24.652.573

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các chi phí phải trả.

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 – DNNT

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

**10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	229.133.078	142.688.060
Phải trả cho nhượng tái bảo hiểm	180.163.207	96.013.248
Phải trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm	34.242.592	27.255.417
Phải trả khác	15.034.921	5.594.704
	<u>458.573.798</u>	<u>271.911.429</u>
Bên thứ ba		
RGA Reinsurance Company	110.673.356	83.078.160
Khác	344.929.140	186.793.942
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	2.971.302	2.039.327
	<u>458.573.798</u>	<u>271.911.429</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

**11 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Số dư phản ánh khoản trả trước từ chủ hợp đồng.

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.305.968	15.875.293
Thuế thu nhập cá nhân	5.687.086	4.205.398
Các loại thuế khác	379.337	387.717
	<u>24.372.391</u>	<u>20.468.408</u>

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 1.000 đồng	Số phải nộp trong năm 1.000 đồng	Số đã thực nộp trong năm 1.000 đồng	Tại ngày 31.12.2017 1.000 đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.875.293	61.796.150	(59.365.475)	18.305.968
Thuế thu nhập cá nhân	4.205.398	47.862.615	(46.380.927)	5.687.086
Các loại thuế khác	387.717	216.444	(224.824)	379.337
	<u>20.468.408</u>	<u>109.875.209</u>	<u>(105.971.226)</u>	<u>24.372.391</u>

**13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Chi phí nhân viên	97.743.018	76.045.468
Chi phí tổ chức hội nghị	36.405.793	24.039.444
Hoa hồng phải trả	26.406.523	6.016.925
Chi phí phải trả khác	23.756.382	13.004.354
	<u>184.311.716</u>	<u>119.106.191</u>

**14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Vốn góp (*)	79.310.000	-
Ký quỹ từ đại lý bảo hiểm	13.144.670	10.325.349
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	3.556.577	5.911.718
Phải trả ngắn hạn khác	3.627.793	1.216.648
	<u>99.639.040</u>	<u>17.453.715</u>

(\*) Ngày 20 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ đã góp thêm vốn vào Công ty với số tiền 79.310.000 ngàn đồng (tương đương 3.500.000 Đô la Mỹ) nhưng Công ty chưa nhận được giấy phép điều chỉnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Ngày 23 tháng 1 năm 2018, Công ty được Bộ tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 33/GP-ĐC20/KDBH để tăng vốn điều lệ thành 1.323.939.454 ngàn đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn thanh toán.

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM**

Mẫu số B 09 – DNNT

**15 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

	Dự phòng phí 1.000 đồng	Dự phòng toán học (*) 1.000 đồng	Dự phòng chia lãi 1.000 đồng	Dự phòng bồi thường 1.000 đồng	Dự phòng bảo đảm cân đối 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.672.699	2.757.973.758	4.800.546	12.376.496	7.883.886	2.790.707.385
Hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(2.108.387)	890.928.568	224.323	11.022.398	1.543.745	901.610.647
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.564.312	3.648.902.326	5.024.869	23.398.894	9.427.631	3.692.318.032
Hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(1.042.178)	965.989.872	652.821	(5.143.982)	2.526.549	962.983.082
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.522.134	4.614.892.198	5.677.690	18.254.912	11.954.180	4.655.301.114

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, dự phòng toán học bao gồm:

	Dự phòng toán học 1.000 đồng	Dự phòng bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung 1.000 đồng	Dự phòng rủi ro cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung 1.000 đồng	Dự phòng nghiệp vụ cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung 1.000 đồng	Tổng cộng 1.000 đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	25.160.870	18.928.038	18.928.038	2.713.884.850	2.757.973.758
Hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	728.711	34.224.286	34.224.286	855.975.571	890.928.568
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	25.889.581	53.152.324	53.152.324	3.569.860.421	3.648.902.326
Hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4.288.806	11.384.269	11.384.269	950.316.797	965.989.872
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	30.178.387	64.536.593	64.536.593	4.520.177.218	4.614.892.198



**16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn điều lệ 1.000 đồng</b>	<b>%</b>	<b>Vốn đã góp 1.000 đồng</b>
Chubb INA International Holdings Limited	<u>1.244.629.454</u>	<u>100</u>	<u>1.244.629.454</u>

Theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 33/GPĐC14/KDBH ngày 4 tháng 7 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.244.629.454 ngàn đồng. Vốn góp này đã được tăng lên thành 1.323.939.454 ngàn đồng vào tháng 1 năm 2018 (Thuyết minh 31).

**17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn góp chủ sở hữu 1.000 đồng</b>	<b>Quỹ dự trữ bắt buộc 1.000 đồng</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối 1.000 đồng</b>	<b>Tổng cộng vốn chủ sở hữu 1.000 đồng</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.019.797.178	32.867.650	337.157.344	<b>1.389.822.172</b>
Vốn góp	145.469.776	-	-	<b>145.469.776</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	122.171.932	<b>122.171.932</b>
Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc	-	6.108.597	(6.108.597)	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>1.165.266.954</u>	<u>38.976.247</u>	<u>453.220.679</u>	<b>1.657.463.880</b>
Vốn góp	79.362.500	-	-	<b>79.362.500</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	199.785.419	<b>199.785.419</b>
Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc	-	9.989.271	(9.989.271)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>1.244.629.454</u>	<u>48.965.518</u>	<u>643.016.827</u>	<b>1.936.611.799</b>

**18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**(a) Ngoại tệ các loại**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 8.617.638 Đô la Mỹ (2016: 2.519.409 Đô la Mỹ).

**(b) Tài sản thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<b>2017 1.000 đồng</b>	<b>2016 1.000 đồng</b>
Trong vòng 1 năm	74.402.918	74.016.389
Từ 1 đến 5 năm	85.525.607	116.440.262
Tổng khoản thanh toán tối thiểu	<u>159.928.525</u>	<u>190.456.651</u>

**(c) Các khoản bảo đảm**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản bảo đảm tại ngân hàng với số tiền 4.880.201 ngàn đồng (2016: 3.726.026 ngàn đồng).

**19 DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	<b>2017</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2016</b> <b>1.000 đồng</b>
<b>(a) Doanh thu phí bảo hiểm gốc</b>		
Bảo hiểm liên kết chung	2.596.711.160	2.070.509.878
Bảo hiểm hỗn hợp	2.380.470	2.740.568
Bảo hiểm tử kỳ	688.843	665.292
Bảo hiểm trọn đời	133.236	144.063
Những sản phẩm khác theo quy định pháp luật (*)	12.367.879	14.584.659
	<u>2.612.281.588</u>	<u>2.088.644.460</u>

(\*) Những sản phẩm khác theo quy định pháp luật bảo hiểm gồm bảo hiểm tai nạn và quyền lợi bảo hiểm bổ sung.

<b>(b) Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm</b>	(18.091.813)	(13.375.008)
<b>(c) Thay đổi dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc</b>	1.042.178	2.108.387
	<u>2.595.231.953</u>	<u>2.077.377.839</u>

**20 PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	<b>2017</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2016</b> <b>1.000 đồng</b>
Bảo hiểm liên kết chung	84.085.463	67.017.351
Bảo hiểm tử kỳ	111.129	115.868
Bảo hiểm trọn đời	6.820	6.300
Bảo hiểm hỗn hợp	6.798	7.883
Những sản phẩm khác theo quy định pháp luật	673.907	775.247
	<u>84.884.117</u>	<u>67.922.649</u>

**21 DOANH THU KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	<b>2017</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2016</b> <b>1.000 đồng</b>
Doanh thu khác	926.803	1.274.084
Hoàn trả phí tái bảo hiểm theo kinh nghiệm từ công ty nhận tái bảo hiểm	-	11.441.954
	<u>926.803</u>	<u>12.716.038</u>

**22 TỔNG CHI BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM**

	<b>2017</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2016</b> <b>1.000 đồng</b>
<b>(a) Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm</b>		
Bảo hiểm liên kết chung	309.017.060	197.033.183
Bảo hiểm hỗn hợp	3.307.535	3.467.907
Bảo hiểm tử kỳ	5.052	403.053
Bảo hiểm trọn đời	66.456	17.647
Những sản phẩm khác theo quy định pháp luật	1.101.800	1.865.764
	<u>313.497.903</u>	<u>202.787.554</u>
<b>(b) Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	(29.237.633)	(23.566.308)
<b>(c) Biến động dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc</b>	964.025.260	903.719.034
	<u>1.248.285.530</u>	<u>1.082.940.280</u>

**23 CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	<b>2017</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2016</b> <b>1.000 đồng</b>
Chi phí hoa hồng bảo hiểm	418.904.108	348.679.192
Chi phí khác	10.122.782	8.467.650
	<u>429.026.890</u>	<u>357.146.842</u>

**24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2017</b> <b>1.000 đồng</b>	<b>2016</b> <b>1.000 đồng</b>
Lãi từ các trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	433.302.007	368.758.542
Lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng	28.217.586	13.676.609
Lãi từ các khoản tạm ứng cho chủ hợp đồng bảo hiểm	10.046.705	8.897.082
Lãi từ các tài khoản thanh toán	1.238.992	910.832
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	425.906	1.092.915
Lãi từ các trái phiếu doanh nghiệp	355.315	-
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	798.844
	<u>473.586.511</u>	<u>394.134.824</u>

**25 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Chi phí dịch vụ quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh 30(a))	7.926.120	6.216.060
Chi phí đầu tư khác	1.519.947	1.239.507
	<u>9.446.067</u>	<u>7.455.567</u>

**26 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Chi phí khen thưởng	552.371.877	394.707.984
Chi phí thuê văn phòng	75.252.849	73.847.795
Chi phí nhân viên	49.395.400	47.063.859
Chi phí hội nghị	54.868.413	40.712.897
Chi phí thu tiền bảo hiểm	21.677.603	17.485.060
Chi phí thi đua đại lý	14.578.693	2.309.577
Chi phí khác	43.269.403	42.205.753
	<u>811.414.238</u>	<u>618.332.925</u>

**27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Chi phí nhân viên	142.943.875	115.694.627
Chi phí thuê văn phòng	25.552.154	19.609.433
Chi phí khác	69.544.776	64.182.894
	<u>238.040.805</u>	<u>199.486.954</u>

**28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	250.128.283	152.830.819
Thuế tính ở thuế suất 20%	50.025.657	30.566.164
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	215.580	203.717
Dự phòng thiếu/(thừa) của năm trước	101.627	(110.994)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	50.342.864	30.658.887
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	61.796.150	33.854.833
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại (Thuyết minh 9)	(11.453.286)	(3.195.946)
	<u>50.342.864</u>	<u>30.658.887</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**29 QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM**

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro phát sinh khi Công ty chịu trách nhiệm cung cấp phạm vi bảo hiểm cho khách hàng. Công ty chịu rủi ro trong trường hợp có một sự tổn thất về nhân mạng do tai nạn, ốm đau, rủi ro hoặc thiên tai. Đối lại phạm vi bảo hiểm cung cấp, Công ty thu khách hàng một mức phí bảo hiểm dựa trên mức độ rủi ro.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm thông qua các hướng dẫn về thẩm định, đòi hỏi Công ty phải thu thập đầy đủ thông tin liên quan đến một số thông tin cá nhân nhất định của khách hàng cũng như xem xét lại lịch sử yêu cầu bồi thường của mình, để phân loại rủi ro của các hồ sơ bảo hiểm vào rủi ro tiêu chuẩn, rủi ro không đạt tiêu chuẩn hoặc thậm chí rủi ro không thể bảo hiểm (dẫn đến từ chối các bảo hiểm) để quản lý các rủi ro chấp nhận.

Công ty có một quy trình xem xét bồi thường nghiêm ngặt để phân biệt những yêu cầu bồi thường hợp lý với những yêu cầu bồi thường gian lận để giảm thiểu hơn nữa các rủi ro bảo hiểm.

Công ty chia sẻ rủi ro với các công ty tái bảo hiểm sử dụng các hợp đồng tái bảo hiểm và các thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời.

Để xác định đúng phí bảo hiểm phù hợp với từng rủi ro, Công ty sử dụng bảng tỷ lệ tử vong, hoặc bệnh tật, hoặc tai nạn (ví dụ như tỷ lệ tai nạn) cùng với các thông số khác như chi phí hay tỉ lệ duy trì hợp đồng trong quá trình tính toán các mức phí bảo hiểm phải thu khách hàng. Tất cả các giả định liên quan như tỷ lệ tử vong và tỷ lệ bệnh tật, chi phí, tỉ lệ duy trì hợp đồng, v.v phản ánh kinh nghiệm hoặc tầm nhìn dài hạn trong kinh doanh của Công ty.

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Chubb INA International Holdings Limited, một công ty được thành lập tại Hoa Kỳ, sở hữu 100% vốn của Công ty. Công ty mẹ cấp cao nhất là Chubb Limited, một công ty được thành lập tại Thụy Sĩ.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>1.000 đồng</b>	<b>1.000 đồng</b>
<b>i) Phí tái bảo hiểm</b>		
Các công ty khác trong cùng tập đoàn	932.908	686.992
<b>ii) Chi phí được trả hộ bởi các bên liên quan</b>		
Công ty mẹ		
Chi phí lương của ban quản lý trả hộ Công ty	20.983.664	23.579.218
Chi phí công nghệ thông tin trả hộ Công ty	2.018.313	1.211.557
Chi phí khác	237.429	497.769
	<u>23.239.406</u>	<u>25.288.544</u>
Các công ty khác trong cùng tập đoàn		
Chi phí công nghệ thông tin	9.596.118	5.800.739
Công ty con		
Phí dịch vụ quản lý danh mục đầu tư	7.926.120	6.216.060
<b>iii) Chi phí trả hộ các bên liên quan</b>		
Công ty mẹ		
Cổ tức nhân viên trả thay	335.377	554.511
Các công ty khác trong cùng tập đoàn		
Chi phí quảng cáo chi hộ	10.352.561	18.824.869
Chi phí chi hộ khác	1.622.771	-
	<u>11.975.332</u>	<u>18.824.869</u>
Công ty con		
Cổ tức nhân viên nhận hộ	10.010	7.329
Chi phí chi hộ khác	32.558	50.431
<b>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi khác	42.232.540	42.194.120
<b>iv) Hoạt động tài chính</b>		
Vốn góp từ công ty mẹ	158.672.500	145.469.776

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

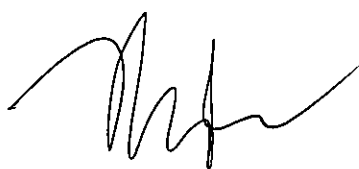
**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	2017 1.000 đồng	2016 1.000 đồng
<b>Các khoản phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 6(a))</b>		
Các công ty khác trong cùng tập đoàn	10.352.561	19.252.476
Công ty mẹ	335.377	-
Công ty con	2.985	3.600
	10.690.923	19.256.076
<b>Các khoản phải trả cho các bên liên quan</b>		
<b>Phải trả cho nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 10)</b>		
Công ty khác trong cùng tập đoàn	2.791.302	2.039.327
<b>Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 14)</b>		
Công ty mẹ	3.506.970	4.468.917
Các công ty khác trong cùng tập đoàn	49.607	1.442.801
	3.556.577	5.991.718
	6.527.879	7.951.045

**31 Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo tài chính**

Vào ngày 20 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ đã góp thêm vốn vào Công ty với số tiền 79.310.000 ngàn đồng (tương đương 3.500.000 Đô la Mỹ) nhưng Công ty chưa nhận được giấy phép điều chỉnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Ngày 23 tháng 1 năm 2018, Công ty được Bộ tài chính cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh 33/GP-ĐC20/KDBH để tăng vốn điều lệ thành 1.323.939.454 ngàn đồng Việt Nam, chi tiết tại Thuyết minh 14.

Các báo cáo tài chính riêng đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018.



Nguyễn Văn Hưng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Sơn  
Phó Tổng Giám đốc




Lâm Hải Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị,  
Tổng Giám đốc